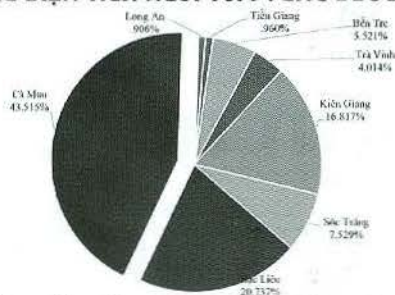


HÌNH 1: CƠ CẤU DIỆN TÍCH NUÔI TÔM VÙNG ĐBSCL NĂM 2016



BẢNG 1: DIỄN BIẾN SẢN LƯỢNG NUÔI TÔM VÙNG ĐBSCL GIAI ĐOẠN 2005-2016

ĐVT: tấn

Đối tượng	2005	2010	2016
Long An	8.128	6.487	7.564
Tiền Giang	7.949	15.269	18.716
Bến Tre	20.952	27.751	45.173
Trà Vinh	13.738	21.254	37.525
Kiên Giang	23.794	35.737	51.482
Sóc Trăng	42.837	61.128	110.954
Bạc Liêu	61.983	64.627	101.611
Cà Mau	81.100	107.964	131.000
Tổng cộng	260.481	340.737	504.025

Nguồn: Báo cáo quy hoạch nuôi tôm nước lợ ĐBSCL, 2015 và báo cáo xuất khẩu thủy sản 2016

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện chủ yếu dựa vào số liệu thứ cấp từ các sở nông nghiệp và phát triển nông thôn ở các tỉnh ĐBSCL, Hiệp hội Chế biến Xuất khẩu Thủy sản (VASEP) và Niên giám Thống kê của các địa phương vùng ĐBSCL. Thêm vào đó, nghiên cứu cũng đã thực hiện phỏng vấn trực tiếp 366 hộ nuôi thủy sản và tôm thẻ chân trắng tại 4 tỉnh: Cà Mau (91 hộ); Bạc Liêu (59 hộ); Sóc Trăng (207); và Kiên Giang (9) theo phương pháp chọn mẫu phi xác suất, kiểu thuận tiện để thu thập những thông tin liên quan đến hiệu quả tài chính. Thời gian thực hiện khảo sát là năm 2017.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Hiện trạng nuôi tôm nước lợ ở ĐBSCL

Diện tích nuôi tôm nước lợ vùng ĐBSCL tập trung chủ yếu tại 8 tỉnh ven biển gồm: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Kiên Giang và Cà Mau với 2 đối tượng chính là thủy sản và tôm thẻ chân trắng. Nhìn chung, diện tích nuôi tôm của Vùng không ngừng tăng lên trong suốt giai đoạn 2005-2016, từ 551.470ha vào năm 2005, chủ yếu đối tượng nuôi là thủy sản. Đến năm 2010, tăng lên 589.172ha với đối tượng nuôi thủy sản và tôm thẻ chân trắng. Tính đến năm 2016, tiếp tục tăng lên đến 633.940ha (diện tích nuôi của vùng chiếm 94% diện tích nuôi tôm cả nước). Trong đó, diện tích nuôi thủy sản là 569.500ha chiếm gần 90% và diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng là 64.440ha, chiếm gần 10% diện tích nuôi tôm toàn Vùng (VASEP, 2016). Đặc biệt, trong giai đoạn 2010-2016, diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng được phát triển mạnh.

Thông qua 4 cuộc thảo luận nhóm cũng cho thấy, có 5 nguyên nhân chính dẫn đến xu hướng chuyển đổi đối tượng nuôi này. Cụ thể là: Thời gian nuôi ngắn (3 tháng so với 6 tháng nuôi thủy sản); Năng suất cao; Thích nghi nhanh với thay đổi môi trường, khí hậu và độ mặn; Nhu cầu tôm thẻ chân trắng trên thị trường có; và cuối cùng là do tác động của chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp chung của cả nước. Chính vì vậy, diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng tăng rất nhanh, tính đến năm 2016 diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng đã tăng gần 9 lần so với năm 2010 (từ 6.988ha tăng lên 64.440ha).

Tính đến 2016, trong các tỉnh nuôi tôm của vùng có 3 địa phương dẫn đầu là: Cà Mau có diện tích nuôi lớn nhất với 275.858ha, chiếm 43% diện tích nuôi tôm của vùng, kế đến là Bạc Liêu với 131.461ha chiếm 21% và Kiên Giang với 106.610ha chiếm 17%, với đa dạng các hình thức nuôi: quảng canh, quảng canh cải tiến, tôm lúa, tôm rừng. Do các tỉnh này có đường bờ biển dài, các kênh rạch dẫn ra biển nhiều, nước mặn cung cấp sâu vào trong đất liền. Trong khi đó, các tỉnh như Long An và Tiền Giang có diện tích nuôi tôm thấp nhất, do không có lợi thế bờ biển dài và hệ thống kênh rạch (Hình 1).

Cùng với đó, sản lượng tôm nuôi gia tăng khá nhanh qua các năm từ mức sản lượng đạt được trong năm 2005 là 260.481 tấn đến năm 2010 sản lượng tăng gấp 1,3 lần so với năm 2005 đạt 340.737 tấn. Đặc biệt, cùng với phát triển diện tích nuôi thủy sản, từ năm 2008 tôm thẻ chân trắng được đưa vào sản xuất và phát triển theo hình thức nuôi công nghiệp, nên năng suất khá cao, góp phần gia tăng nhanh sản lượng tôm nuôi của toàn Vùng. Sản lượng tôm nuôi toàn Vùng năm 2016 đạt 504.025 tấn, chiếm 82,7% sản lượng tôm nuôi cả nước (sản lượng nuôi cả nước năm 2016 là 609.300 tấn). Trong đó, sản lượng thủy sản là 250.926 tấn chiếm 49,8% và sản lượng tôm thẻ chân trắng đạt 253.099 tấn chiếm 50,2% (Bảng 1).

Mặc dù Kiên Giang là một trong 3 tỉnh (Cà Mau, Kiên Giang và Bạc Liêu) có diện tích nuôi tôm lớn nhất của ĐBSCL, nhưng về mặt sản lượng thì Kiên Giang không thuộc 3 tỉnh dẫn đầu, thay vào đó là tỉnh Sóc Trăng. Nguyên nhân là do Cà Mau, Bạc Liêu và Sóc Trăng là 3 tỉnh có diện tích nuôi công nghiệp phát triển, với quy lớn nên năng suất đạt khá cao. Trong

khi Kiên Giang, mặc dù có diện tích nuôi lớn, nhưng phần lớn nuôi theo hình thức quảng canh cải tiến và bán công nghiệp nên năng suất nuôi đạt thấp (Hình 2).

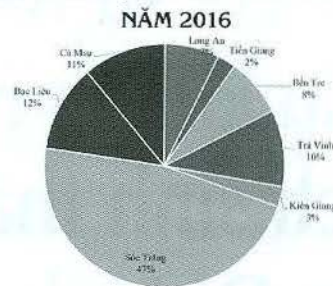
Tóm lại, thời gian từ năm 2005 đến 2016, tình hình nuôi tôm nước lợ ở vùng ĐBSCL có xu hướng gia tăng cả về mặt diện tích và sản lượng nuôi, đặc biệt là tôm thẻ chân trắng đã có tốc độ tăng trưởng rất nhanh từ năm 2010. Trong khâu nuôi, sự dịch chuyển từ diện tích nuôi thủy sản sang nuôi tôm thẻ chân trắng đã trở thành xu hướng rất rõ rệt. Nguyên nhân chủ quan và khách quan xuất phát từ các hộ nuôi và do nhu cầu thị trường. Diện tích và sản lượng nuôi thủy sản và tôm thẻ chân trắng tập trung chủ yếu ở các tỉnh ven biển, nổi bật nhất ở các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Kiên Giang và Sóc Trăng.

Hiệu quả tài chính của mô hình nuôi thủy sản và tôm thẻ chân trắng theo hình thức thâm canh

Như đã được đề cập ở trên, có 5 lý do chính dẫn đến hành vi chuyển đổi đối tượng nuôi tôm nước lợ, từ thủy sản sang tôm thẻ chân trắng, trong đó không có lý do về hiệu quả tài chính. Để kiểm chứng lại kết quả đánh giá này, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 366 hộ nuôi thủy sản và nuôi tôm thẻ chân trắng theo hình thức thâm canh. Kết quả so sánh về hiệu quả tài chính giữa 2 mô hình nuôi này được trình bày trong Bảng 2.

Kết quả phân tích ở Bảng 2 cho thấy, mặc dù so với mô hình nuôi thủy sản thâm canh, các hộ nuôi tôm thẻ chân trắng theo hình thức thâm canh bán tôm được với giá thấp hơn, doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận đều thấp hơn. Nhưng ngược lại, các hộ này có được năng suất cao hơn và họ nuôi được nhiều vụ hơn trong năm so với nuôi thủy sản. Đây là một trong những lý do về mặt tài chính khiến họ quyết định chuyển đổi, do họ kỳ vọng có được lợi nhuận ổn định hơn do tránh được nhiều rủi ro do dịch bệnh và tác động xấu của tình trạng biến đổi khí hậu đang diễn ra ngày càng gay gắt.

HÌNH 2: CƠ CẤU SẢN LƯỢNG NUÔI TÔM VÙNG TÂY NAM BỘ



Nguồn: Báo cáo quy hoạch nuôi tôm nước lợ vùng ĐBSCL đến năm 2020, tầm nhìn 2030

BẢNG 2: HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH CỦA 2 MÔ HÌNH NUÔI THỦY SẢN VÀ TÔM THẺ CHÂN TRẮNG THÂM CANH

Khoản mục	Tôm sú	Tôm thẻ chân trắng
Năng suất (kg/ha)	3.691	4.654
Giá bán (1.000 đ/kg)	165	115
Doanh thu (1000 đ/ha)	609.015	535.210
Tổng chi (1.000 đ/ha)	332.412	350.677
Lợi nhuận (10.000 đ/ha)	276.603	184.533
Tỷ suất lợi nhuận (%)	83,2	52,6
Giá thành (1.000 đ/kg)	90	75

Chú thích: giá bán trong bảng là giá bán trong trường hợp bán cho thương lái

Nguồn: Tổng hợp theo số liệu khảo sát 2017

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy, nguyên nhân chính dẫn đến hành vi chuyển đổi này của các hộ nuôi là để tránh rủi ro trong quá trình sản xuất do nuôi tôm thẻ chân trắng có chu kỳ kinh doanh ngắn hơn nuôi thủy sản. Kể đến do nhu cầu tiêu thụ tôm thẻ chân trắng trên thị trường thế giới gia tăng và do tôm thẻ chân trắng dễ thích nghi với điều kiện tự nhiên ở ĐBSCL, cũng như năng suất nuôi cao.

Mặc dù đang trong xu hướng tăng trưởng nhanh, nhưng việc nuôi tôm thẻ chân trắng vẫn gặp phải những khó khăn nhất định, như: dịch bệnh phát triển, kết cấu hạ tầng của các vùng nuôi chưa được xây dựng hoàn thiện, người nuôi phải tuân thủ quy trình kỹ thuật nuôi một cách nghiêm ngặt hơn so với nuôi thủy sản, nguồn tôm giống không sẵn có ở vùng ĐBSCL. Thêm vào đó, một khó khăn khác mang tính chiến lược cho ngành thủy sản là chưa có quy hoạch vùng nuôi tôm thẻ chân trắng cho vùng ĐBSCL dựa trên cơ sở đánh giá toàn diện về hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. VASEP (2014-2018). Báo cáo xuất khẩu thủy sản của Việt Nam các năm, từ 2014 đến 2018
2. Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản (2015). Báo cáo quy hoạch nuôi tôm nước lợ vùng ĐBSCL đến năm 2020, tầm nhìn 2030
3. AgroMonitor (2013-2016). Báo cáo thường niên ngành thủy sản các năm, từ 2013 đến 2017
4. Tổng cục Thống kê (2011-2019). Niên giám Thống kê các năm, từ 2010 đến 2018, Nxb Thống kê